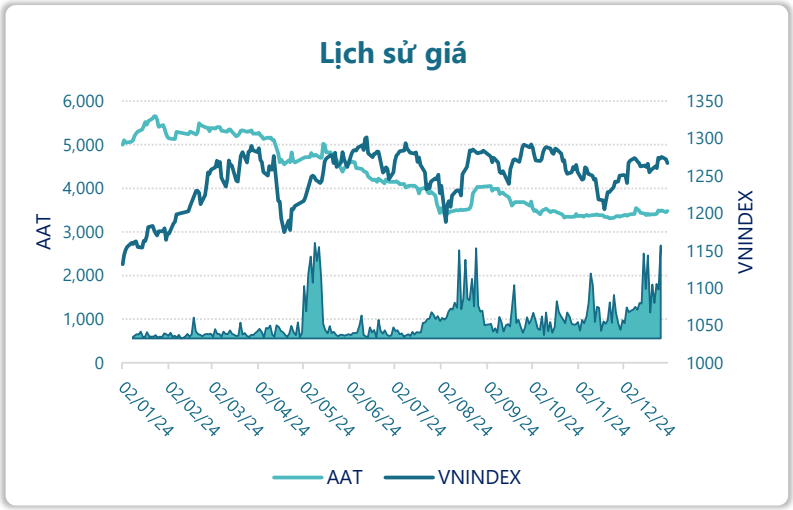
FireAnt

CTCP Tập đoàn Tiên Sơn Thanh Hóa (HSX: AAT)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**3,480**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,310
SL cổ phiếu LH	70,819,103
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,525
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	246
P/E	-76.1
EPS	-46

DT thuần

Q4/24

131

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 65.7| 101%

YoY: ▼101| -43.5%

LN sau thuế

Q4/24

-12.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.4| -606%

YoY: ▼21.8| -224%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.3%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

2024

581

tỷ VNĐ

YoY: ▼18.0| -3.1%

LN sau thuế

2024

-3.17

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.70| -28.6%

ROE

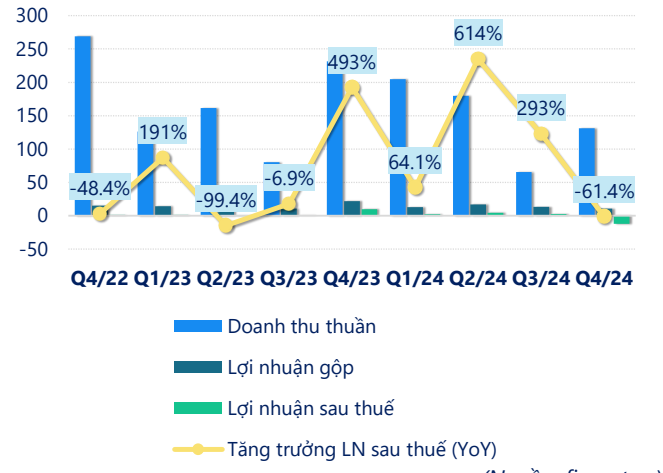
2024

-0.5%

+/- YoY: ▼ 0.1%

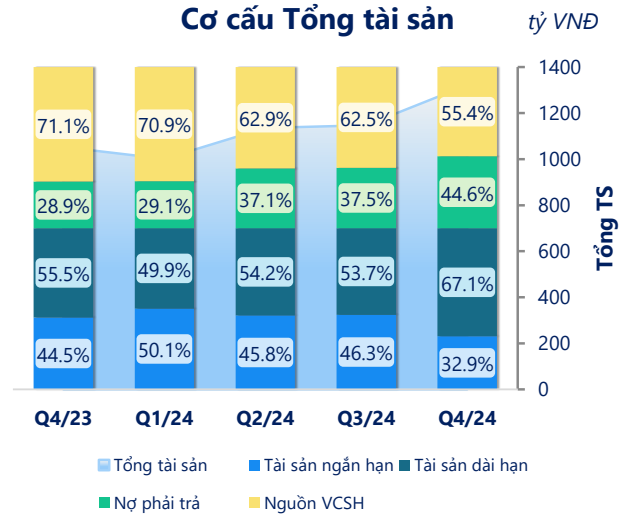
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



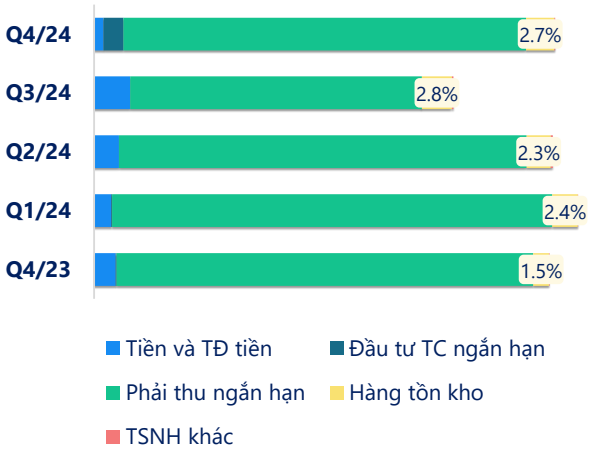
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



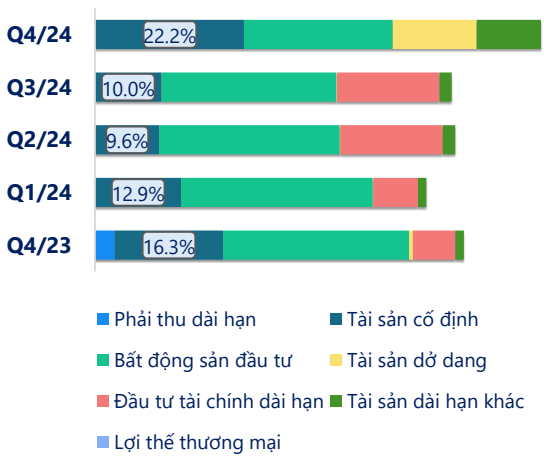
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



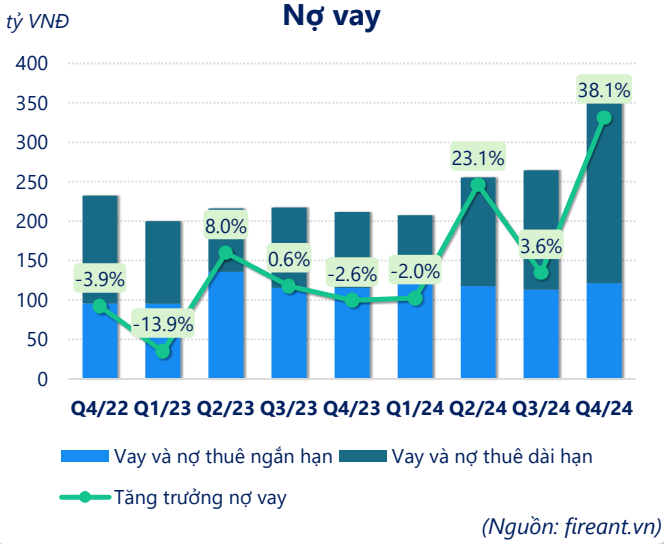
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



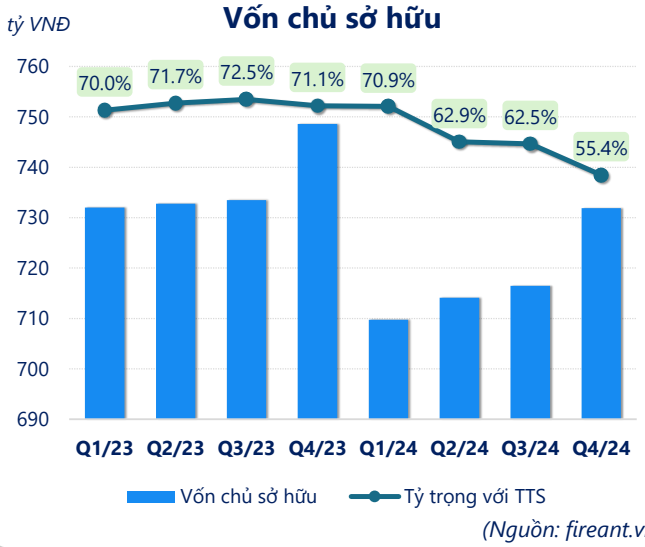
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



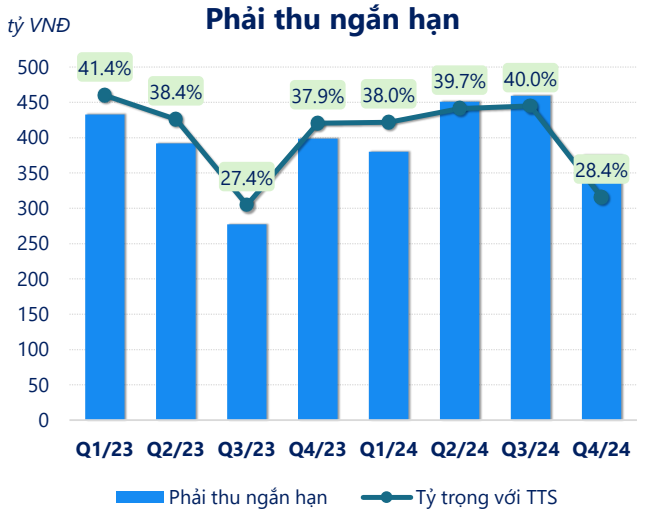
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



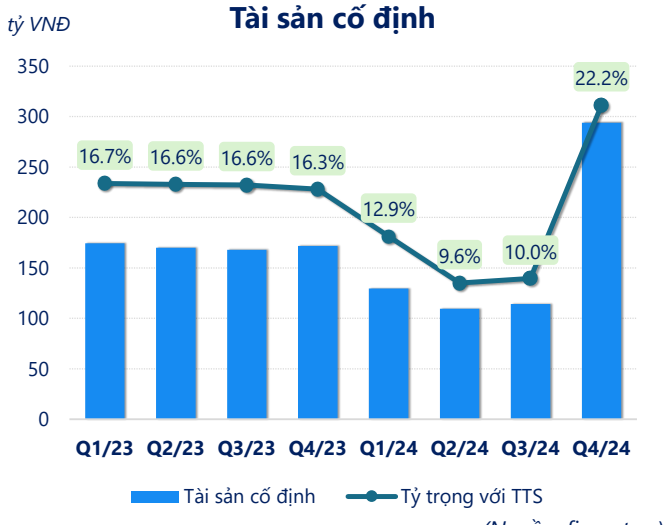
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



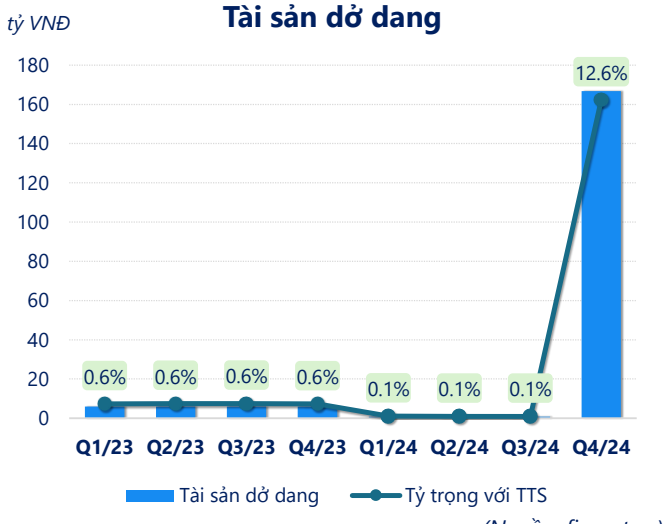
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



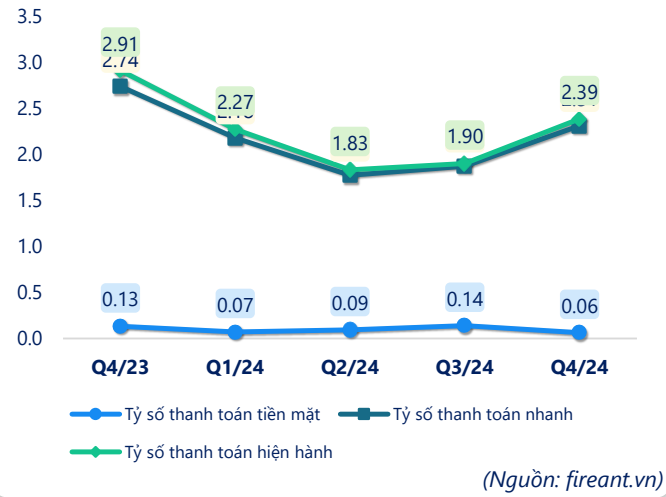
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



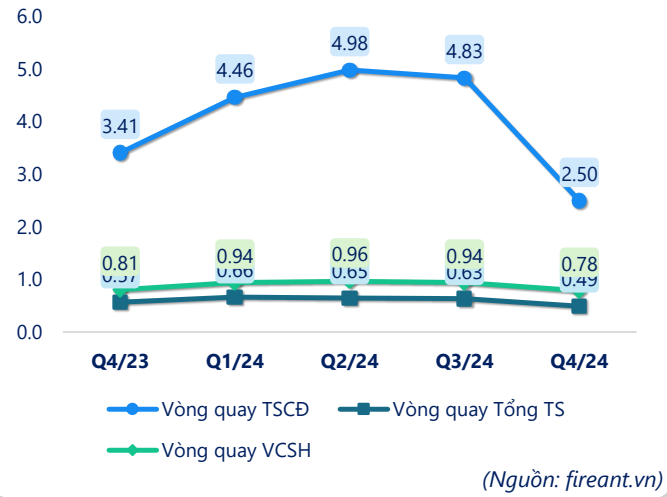
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,053**	**1,001**	**1,136**	**1,147**	**1,322**
Tài sản ngắn hạn	**469**	**502**	**520**	**531**	**435**
Tiền và tương đương tiền	21.3	16.0	26.5	39.0	11.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	0	25.6	25.0	26.6
Phải thu ngắn hạn	399	380	451	459	375
Hàng tồn kho	27.9	20.7	16.8	8.10	13.1
Tài sản ngắn hạn khác	0.92	85.1	0.12	0.12	8.37
Tài sản dài hạn	**584**	**499**	**616**	**616**	**887**
Phải thu dài hạn	31.4	0.34	0.34	0.34	2.15
Tài sản cố định	172	130	110	114	294
Bất động sản đầu tư	295	289	308	302	296
Tài sản dở dang	5.93	0.81	0.81	0.81	167
Đầu tư tài chính dài hạn	67.3	67.3	175	177	0
Tài sản dài hạn khác	13.3	12.3	21.2	20.8	128
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**305**	**291**	**422**	**431**	**590**
Nợ ngắn hạn	**161**	**221**	**284**	**279**	**182**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	115	137	118	113	121
Phải trả người bán ngắn hạn	31.6	15.7	14.4	17.9	21.4
Nợ dài hạn	144	70.3	138	151	408
Vay và nợ thuê dài hạn	96.3	70.3	138	151	244
Nguồn vốn chủ sở hữu	**749**	**710**	**714**	**716**	**732**
Vốn chủ sở hữu	**749**	**710**	**714**	**716**	**732**
Vốn điều lệ	708	708	708	708	708
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)